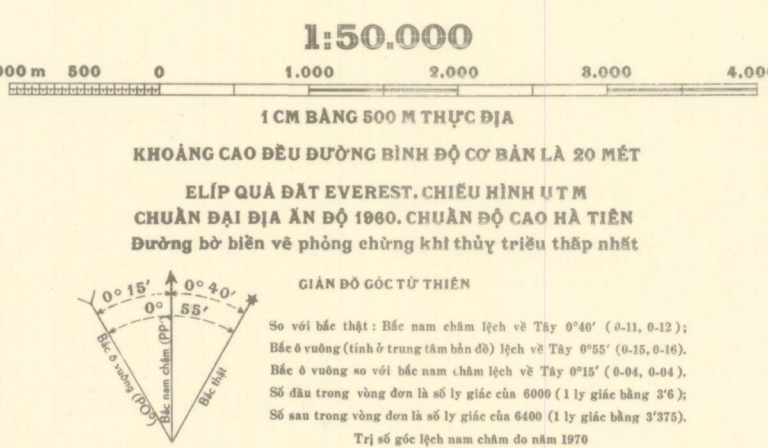


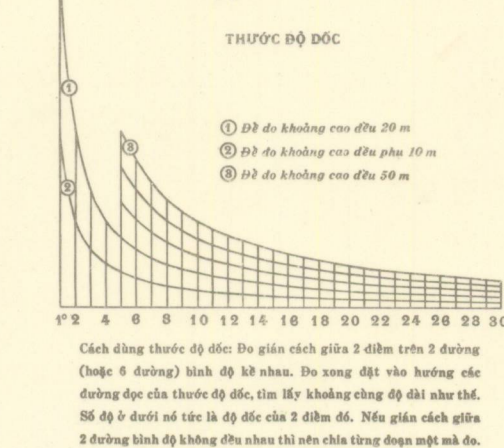
Đường sắt	Đường ô tô	Đường đất	Đường mòn	Đường dây	Tường rào	Khu dân cư	Trụ sở hành chính	Điểm không chế	Điểm độ cao

Bệnh viện, Trường học	Đình chùa lớn, Đình chùa nhỏ	Nhà thờ lớn, Nhà thờ nhỏ	Nhà máy	Bưu cục, Điện tín, Điện thoại	Sân kho, Kho xăng, Cây xăng	Đài cao, Tháp cao	Trạm vô tuyến, Trạm khí tượng	Lò gạch, vôi, Hầm mỏ	Bảng chỉ đường, Bảng tin	Mộ, Mộ xây	Lò cốt, Chim, Nồi, Tàn tích	Trại nuôi ong, Hạng động	Cột tín hiệu, Mốc biên giới

Cầu sắt	Cầu xây	Cầu gỗ	Cầu nhỏ	Bến phà	Bến lỵ	Thức lớn, Thức nhỏ	Chôn	Đập xây, Đập đất	Guồng nước	Kênh, Mương	Hồ ao	Nguồn, Bể nước, Giếng	Nước đọng



Vòng độ sâu, Độ sâu tính ra mét	Đá biển hay bờ xây, Rừng muối	Đất Nham Lửa, Núi, Đốc đá	Xác thú, Chim, Nồi, Đám biển	Giới hạn nguy hiểm, Cụm đá tảng	Nơi bỏ neo, Bến lều, Vòng độ cao	Pháo, Cát ướt, Cát khô	Cây bản, Đất mặt, Núi đá vôi	Rừng chiếm, Rừng mùa, Hoa màu	Đừa nước, Đồng lầy, Đất bùn	Rừng già, Rừng thưa, Bụi rậm	Thông, Tre, Đay	Đồn điền, Cao su, Trại, Cây ăn trái	Đà, Gậy, Hàng cây, Cụm cây



CAO ĐỘ

BIÊN GIỚI

BẢNG CHẬP

Cục Bản Đồ Bộ Tổng Tham Mưu Quân Đội Nhân Dân Việt Nam
In tháng 5 năm 1979. Chính lý theo bản đồ 1:100.000 UTM in năm 1978

PHU NĂM SAU 5554 IV 1:50.000